

HỘI NỘI VỤ
Trại Thủ Đức
Số 1034 GRT
(59)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 601-QU/TC, ban hành theo công văn số 2563 ngày 27 tháng 11 năm 1972

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

SHSLD

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ;

Thi hành án văn, quyết định tha số 118 ngày 18 tháng 6 năm 1982

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh: Nguyễn Văn Chung

Họ, tên thường gọi: Nguyễn Văn Chung

Họ, tên bí danh

Sinh ngày tháng năm 1944

Nơi sinh Hà Nam Ninh.

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt 292/1063 Bà Hạt, Quận 10, TP. HCM.

Can tội Trung úy đại đội trưởng công vụ.

Bị bắt ngày 26-6-75

Án phạt TTCT.

Theo quyết định án văn số ngày tháng năm của

Đã bị tăng án lần, cộng thành năm tháng

Đã được giảm án lần, cộng thành năm tháng

Nay về cư trú tại 292/1063 Bà Hạt, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh.

Nhận xét quá trình cải tạo

Trong thời gian học tập cải tạo đã có nhiều tiến bộ, chấp hành nội quy nghiêm, Lao động và học tập tốt.

- Thời hạn đuan chế: 12 tháng (Mười hai tháng).

- Thời hạn đi đường: 02 Ngày (Kể từ ngày ký GRT).

- Tiền đđ đường đã cấp từ trại về đến gia đình).

Lên tay ngón trỏ-phải
Của Nguyễn Văn Chung.

Danh bản số

Lập tại

Họ tên, chữ ký
người được cấp giấy

Ngày 7 tháng 7 năm 1982

Phó Giám thị

Thiếu tá Phan Hữu Phúc.

RIOR DEPARTMENT
DUC DETENTION CAMP
ber: Unclear /GRT

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET-NAM
INDEPENDENCE-FREEDOM-HAPPINESS.

RELEASING PASS.

According to the circulation NO 966-BQA/TT Dated May 31 1961 of
THE INTERIOR DEPARTMENT.
To execute a judgment of the decision No 118 on dated June 18 1982.
This certifying and releasing for the following name:

FULL NAME: NGUYEN VAN CHUNG.

DOB : 1944.

POB : HA NAM NINH.

Residency prior to arrest: 292/1063 BA HAT St, DISTRICT 10, HO CHI MINH CITY

Implicated: Lieutenant Officer, Public Service Company Commander's.

Arresting date: June 26 1975.

Conviction: Detention Camp.

Release to currently residence at: 292/1063 BA HAT St, DISTRICT 10, HO CHI MINH CITY

COMMENT WHILE IN RE-EDUCATION CAMP:

Progressing while in Re-Education Camp, Carrying out the Regulation, Good Laboring
and also hard working.

Duration to confine: 12 months.

Duration leaving from the camp: 02 days (From the day to be signed)

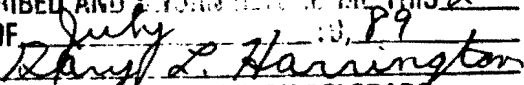
Money to be given for transportation from camp to his family (Unclear)

Finger Print of:
NGUYEN VAN CHUNG.

The day of 7 July 1982.
Assistant Supervisor
Major PHAN HUU DUC.
Signed and sealed.

This translation is accurated
I am competent in both Vietnamese
and English.


THANG LAI

SUSCRIBED AND SWORN BEFORE ME THIS 24
DAY OF July 1982

NOTARY PUBLIC PASO COUNTY-COLORADO
MY COMMISSION EXPIRES My Commission Expires Nov. 10, 1986

805 N. Murray CSC 80915



EMBASSY OF THE
UNITED STATES OF AMERICA
Bangkok, Thailand

To Whom It May Concern:

August 10, 1982

NGUYEN VAN CHUNG,
DO THI GIAM

born December 13, 1944 (IV 30200)
born July 20, 1944 "

Residing at:

292/1063 Duong Ba-Hat
Phuong 7
Quan 10,
T.P. Ho Chi Minh

(Son and daughter-in-law of NGUYEN THI KHAM, Exit Permit
number: 17579/VSl; interviewed on 4 August, 1982 list
number C-2260)

Su Quan Hoa Ky cho phép nhung nguoi co ten tren day di
Bangkok, Thai-lan, de nop don tai Su Quan My de sang Hoa Ky,
voi dieu kien ho duoc kham suc khoe tai Viet Nam, va duoc phong
van qua dai dien Cao Uy Lien Hiep Quoc Dac Trach Ty Nan (UNHCR).
Chung toi yeu cau gioi tham o cap cho ho Giay Xuat Canh
cung nhung giay to can thiet Viet Nam./The American
Embassy gives permission for the above persons to come to Bangkok,
Thailand to make application at this Embassy to go to the United
States, provided that they have a medical examination in Vietnam
and an interview by a representative of the United Nations High
Commissioner for Refugees (UNHCR). We request the authorities
to issue Exit Permits and the necessary documents to leave
Vietnam.

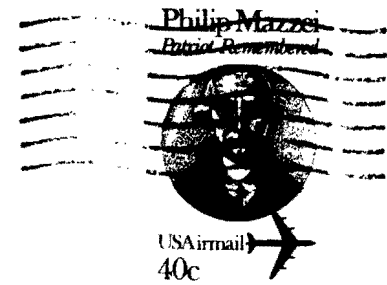
Nhung nguoi ke tren da duoc UNHCR de nghi toi tham quyen Viet Nam
theo Danh Sach Chieu Khan Nhap Canh Hoa Ky, so/The names above
have been submitted to the Vietnamese authorities by the UNHCR
on the American Visa Entry Working List, serial number 13864.

Sincerely,


Daniel B. Colin
Director

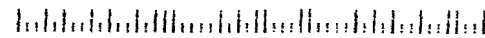
Orderly Departure Office

HIEU VAN NGUYEN



DEC 05 1989

To. HOI GIA DINH TU NHAN CHINH TRI VIET-NAM
P.O. BOX - 5435
Arlington, VA. 22205-0056



C O N T R O L

____ Card
____ Doc. Request; Form
____ Release Order
____ Computer
____ x Form "D" 12/23/89
____ ODP/Date _____
____ Membership; Letter

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS

Date: 6/1

ODP IV

CÂU HỎI CHO NGƯỜI NỘ ĐƠN

Ngày: 6/1

Fill out this questionnaire in English as completely as possible. If you cannot read or write in English, fill it out in Vietnamese.

Xin điền vào số câu hỏi sau đây bằng tiếng Anh càng nhiều càng tốt: Nếu bạn không đọc hoặc viết rành Anh ngữ thì bằng tiếng Việt.

Mail or send the completed questionnaire to:

Gửi số câu hỏi này tới:

127 Panjabhum building
Sathorn Tai Road
Bangkok 10120
Thailand

A. Basic Identification Data/ Lý lịch căn bản

- Name: NGUYỄN-THO-CHÚNG Sex: F
Họ, tên
- Other Names:
Họ, tên khác
- Date/Place of Birth: Oct 15th 1953
Ngày/Nơi sinh
- Residence Address: 148 Ấp I, Xuân Đường, Xuân Lộc, Đồng Nai
Địa chỉ thường trú
- Mailing Address:
Địa chỉ thư từ
- Current Occupation: Farmer
Nghề nghiệp hiện tại

B. Relatives To Accompany Me/ Bà con cùng đi với tôi

(NOTE: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows: Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S).)

Chú ý: Vợ/chồng và con cái có thể cùng đi với bạn mà thôi. Kê khai tình trạng gia đình như sau: Đã lập gia đình (M), đã ly dị (D), góa phụ/góa thê (W) hoặc độc thân (S).

Name Họ, Tên	Date of Birth Ngày/Tháng/Năm sinh	Place of Birth Nơi sinh	Sex Phái	MS Tình trạng gia đình	Relationship Liên hệ gia đình
1. Trương Thị Mai	1958	Saigon	M		wife
2. Nguyễn Thọ Trường Thảo	1972	Xuân Lộc	M	S	children
3. Nguyễn Thị Trường Bình	1974	Xuân Lộc	M	S	children
4. Nguyễn Thị Trường Hiếu	1983	Xuân Lộc	M	S	children
5. Nguyễn Thị Trường Huy	1985	Xuân Lộc	F	S	children
6. Nguyễn Thị Trường An	1988	Xuân Lộc	M	S	children
7. Nguyễn Thị Trường Duy	1990	Xuân Lộc	F	S	children
8.					
9.					
10.					

(Note: For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced) spouse's death certificate (if widowed), identification cards (if available), and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in Section I below.)

Chú ý: Cho mỗi người có tên trên danh sách trên, chúng tôi cần một bản khai sinh, giá thú (nếu lập gia đình rồi), giấy ly hôn (nếu đã ly dị), giấy khai tử của vợ/chồng (Nếu góa phụ/góa thê), thẻ căn cước (nếu có), và hình. Nếu bà con sẽ cùng đi với bạn không chung cư với bạn hiện tại, xin viết địa chỉ của họ trong phần I.)

I. Closest Relative in the U.S.

Đã con thân thuộc nhất ở Hoa Kỳ

a. Name

Họ, Tên

Trần Dũng

b. Relationship

Liên hệ gia đình

older brother

c. Address

Địa chỉ

d. Date of Relatives Arrival

in the U.S.

Ngày bà con đến Mỹ

1975

2. Closest Relatives in Other Foreign Countries

Đã con Thân thuộc nhất ở các nước khác

a. Name

Họ, Tên

b. Relationship

Liên hệ gia đình

c. Address

Địa chỉ

II. Complete Family Listing (Living/Dead) / Danh Sách Toàn Thê Gia Đình (Sống/Chết)

1. Father

Cha

Nguyễn Thọ Huệ Dead.

2. Mother

Mẹ

Phan Thị Thủy Living

3. Spouse

Vợ/Chồng

Trương Thị Mai

4. Former Spouse (if any)

Vợ/Chồng trước (nếu có)

Nguyễn Thị Đào (of lose.) when I still in Reeducation.

5. Children

Con cái

- (1) Nguyễn Thị Trường Thảo
- (2) Nguyễn Thị Trường Bích
- (3) Nguyễn Thị Trường Hiên
- (4) Nguyễn Thị Trường Huy
- (5) Nguyễn Thị Trường An
- (6) Nguyễn Thị Trường Duy
- (7)
- (8)
- (9)

Siblings

Anh chị em :

- 1 Nguyễn Thị Tung Dead
- 2 Nguyễn Thị Nghi Living
- 3 Nguyễn Thị Lệ Living
- 4 Nguyễn Thị Viên Dead
- 5 Nguyễn Thị CÂN Living
- 7) Nguyễn Thị K Lan
- 8) Nguyễn Thị Chi
- 9) Nguyễn Thị Sĩ
- 10) Nguyễn Thị Văn

Reason for Separation :

4 / 75.

Lý do nghỉ việc :

7. Names of American Advitor (s) :

Họ tên cố vấn Mỹ :

8. U.S. Training Courses in Vietnam
Chương trình huấn luyện Hoa Kỳ
tại Viet-Nam :

9. U.S. Awards or Certificates

Name of award :

Date received :

Phần thưởng hoặc giấy khen :

Ngày nhận :

(NOTE : Please attach any copies of diplomas, awards or certificates, if available.

Available ? Yes ☒ No ☐.

1) certificates

(CHÚ Ý : Xin bạn kèm theo bất cứ văn bằng, giấy ban khen, hoặc chứng thư nếu có.

Đương sự có không ? Có ☐ Không ☐.

G. Training Outside Vietnam of You or Your Spouse/Bạn hoặc Vợ/chồng đã huấn luyện ở ngoại quốc

1. Name of Student/Trainee

Họ tên Sinh viên/người được huấn luyện :

2. School and School Address

Trường và địa chỉ nhà trường :

3. Dates

From

To

Ngày, tháng, năm

Từ :

Tới :

4. Description of Courses

Mô tả ngành học

5. Who paid for training ?

Ai đài thọ chương trình huấn luyện ?

(NOTE : Please attach copies of diplomas or orders, if available. Available? Yes ☐ No ☐.

(Chú ý : Xin bạn kèm theo văn bằng, hoặc chỉ thị nếu có. Bạn có hay không ? Có ☐ Không ☐.

No ☐
Không ☐

H. Re-education of You or Your Spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã học tập cải tạo

1. Name of Person in Reeducation

Họ tên người đi học tập cải tạo

Nguyễn Thọ Chung

2. Time in Reeducation

From

To

Thời gian học tập

Từ :

Tới

May 15th 1975 To : 11-9-1980

- 5 year 4 months.

3. Still in Reeducation*

Yes

No

Vẫn còn học tập cải tạo ?

Có

Không

☆ (If released, we must have a copy of your release certificate).

☆ (Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại). 1) release certificate.

1. Any Additional Remarks ? Cuộc chú phụ thuộc

Dear Sir.

I sent you a file on 1984 and another on 1988, till now
I receive nothing. Now I send you one more, would you
please reply me or issue me the I V number. Thank you
very much Sincerely.

Signature :

Ch

Date

Ngày :

May 15th 1990.

Nguyễn Thọ Chung

1. Please List Here All Documents Attached to This Questionnaire 1) release certificate

Xin nêu ra tất cả giấy tờ kèm theo với số câu hỏi này

All Documents and photo

2. Employment by U.S. Government Agencies or Other U.S. Organization of you or your Spouse
Đã hoặc sẽ không làm việc cho công sở của chính phủ Mỹ hoặc hãng Mỹ

Employee Name
Tên họ nhân viên :

Position title
Chức vụ :

Agency/Company/Office
Sở/Hãng/Văn phòng :

Length of Employment
Thời gian làm việc :

From :
Từ :

To :
Tới :

Name of American Supervisor
Tên họ giám thị Mỹ :

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc :

2. Employee Name
Tên họ nhân viên :

Position title
Chức vụ :

Agency/Company/Office
Sở/Hãng/Văn phòng :

Length of Employment
Thời gian làm việc :

From :
Từ :

To :
Tới :

Name of American Supervisor
Tên họ giám thị Mỹ :

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc :

3. Employee Name
Tên họ nhân viên :

Position title
Chức vụ :

Agency/Company/Office
Sở/Hãng/Văn phòng :

Length of Employment
Thời gian làm việc :

From :
Từ :

To :
Tới :

Name of American Supervisor
Tên họ giám thị Mỹ :

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc :

F. Service with GVN or RVNAF By You Or Your Spouse/Đã hoặc Vợ/Chồng đã Công vụ với
Chính phủ Việt Nam.

1. Name of Person Serving
Họ tên người tham gia :

Dates :
Ngày, tháng, năm

From :

To :

15-10-1953

Từ : 4-1972

Tới : 30-4-1975.

2. Last Rank
Cấp bậc cuối cùng :

Second lieutenant

Serial Number :

Số thẻ nhân viên :

73/139909

3. Ministry/Office/Military Unit
Bộ/sở/Đơn vị Binh chủng :

section

5th, political officer of 465 local

Bộ/sở/Đơn vị Binh chủng :

Batalion

district unit : Vinh Long.

4. Name of Supervisor/

Major

Nguyễn Đức Nhân

12 H I E U "KẾT CẢ HUYỀN HUYỀN"

(CÓ GIÁ TRỊ NHƯ LỆNH HUYỀN 1941)

VIỆT NAM CỘNG HÒA
BỘ QUỐC PHÒNG
ĐỘI TỔNG THAM MƯU QLVNCH
TỔNG CỤC QUÂN HUẤN
TRƯỞNG ĐỘI-BÌNH
KHỐI QUÂN HUẤN

THAM CHIẾU : H.T số (15402 ngày 30-10-1961) của Bộ TTM

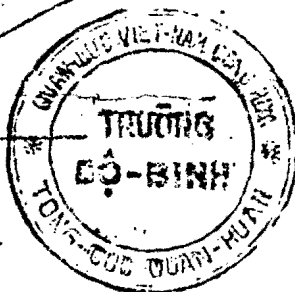
Họ và tên : . NGUYỄN : THỌ . C. H. U. N. G . . .
Số quân : 73/139909
Khóa học tham dự : 2/72 Sinh viên Sĩ quan Trù Bị / Thường xuyên
Khai giảng ngày : ^{Nhiệm vụ ngày 14-4-72} 02-5-1972 mìn Bắc ngày 17-11-1972
Điểm trung bình : 14.29.25 xếp hạng . 100
CNQD được cấp phát : 210.0
Chức vụ có thể giao phó: TRƯỞNG ĐỘI TRƯỞNG ĐỘI-BÌNH

KBC.4.100, ngày 10 tháng 11 năm 1972

ĐÃ KIỂM SOÁT :

Thiếu-Tá CHU-VAN-LIÊN
Trưởng Phòng Khảo Học Thành Tích

TL. TRUNG-TỔNG PHẠM-QUỐC-THUẬN
Chỉ-Huy Trưởng Trường ĐỘI-BÌNH
Trung-Tá LỚP-100 CHÍNH
Tham Mưu Trưởng
Trung-Tá ĐỘI-NGUYỄN-TU
Trưởng Khối Quân Huấn



Tỉnh Đồng Nai
Huyện Xuân Lộc
Xã Xuân Đường
Ban Công An

Cộng Hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Độc lập tự do Hạnh phúc

Giấy Xả nhân
(Thay thế giấy ra hai)
Ban CA. Xã Xuân Đường

Xả nhân

Ông Nguyễn Thọ Chứng sinh ngày 15-10-1953
cấp bậc Thúc úy số quân 73/139909
chức vụ Sĩ quan Chuẩn táng Chính trị
đơn vị Tiểu đoàn 465/ĐPQ Tiểu khu Vĩnh Long
Hình chứng Địa phương quân
ngày vào hai 5-1975
ngày thả về 11-9-1980
trai cải tạo cuối cùng: trại 230D hàm tần
thuận-Hải.

Thời gran quân chế: 06 tháng

Trong thời gran quân chế giấy ra hai của
ông Nguyễn Thọ Chứng Ban Công an xã Xuân
Đường đã thu lại

Được UB/ND tỉnh Đồng Nai xét giải quân
hả quyền công dân ngày 22 tháng 6 năm 1982
Quyết định UB/ND tỉnh số 1063/QĐ/UBT ngày
22-6-1982

Nay đương hi làm đơn này xin lại giấy ra
hai do đã hết giữ nhưng ta thất lạc

Vậy cấp giấy Xả nhân này cho đương sự
để làm hồ sơ xin xuất cảnh theo diện học
tập cải tạo được thả.

Xuân đường 17.10.1988

T.M. Ban CA xã

Trưởng CA

Đương sự

Ch

Nguyễn Thọ Chứng

Đang chờ đợi...
...
...

Đang chờ đợi...
...
...

Có thể...
...

...
...
...
...
...



21/10/88
Chị Hoa

...

...

...
...
...

BỘ TƯ - PHÁP

SỞ TƯ - PHÁP

TRUNG - PHẦN

VIỆT-NAM CÔNG-HÒA

Chứng-Thư Thề-Vì Khai-Sanh

TÒA SỞ - THẨM-HUẾ

Số 2733

Của

NGUYỄN-THO-CHUNG

Ngày

Năm một ngàn chín trăm SÁU mươi BA ngày MƯỜI LĂM

tháng MÁI hồi MƯỜI giờ.

Trước mặt, chúng tôi là TRẦN-TRONG-TÂM

Chánh-án Tòa SỞ - THẨM-HUẾ / ngồi tại văn phòng

có Ông TRẦN-KIỆN-MẠI / Lục-sự giúp việc

CÓ ĐẾN TRÌNH DIỆN :

0/ NGUYỄN-THO-LỤC (người đứng xin), 60 tuổi

nghề nghiệp THỢ MAY trú tại PHƯỜNG-PHÚ-NHÂN

THÀNH-NỘI-HUẾ căn cước số 004.331

cấp tại QUẬN-XUÂN-LỘC ngày 4.3.1962

VÀ CÁC NHÂN CHỨNG CỦA ĐƯƠNG-SỰ LÀ :

10/ HỒ-VĂN-BỊCH 30 tuổi

nghề nghiệp HUỖ-CHỨC trú tại PHƯỜNG-PHÚ-NHÂN

THÀNH-NỘI-HUẾ căn cước số 230.748

cấp tại THÀNH-NỘI-HUẾ ngày 23.10.1962

20/ NGO-LIÊN 45 tuổi

nghề nghiệp BUÔN-BÁN trú tại PHƯỜNG-PHÚ-NHÂN

THÀNH-NỘI-HUẾ căn cước số 230.007

cấp tại THÀNH-NỘI-HUẾ ngày 30.10.1962

30/ TRẦN-THỊ-LÊ

nghề nghiệp NỘI-TRỢ trú tại PHƯỜNG

THÀNH-NỘI-HUẾ căn cước số 230.036

cấp tại THÀNH-NỘI-HUẾ ngày 30.10.1962

Sau khi đã nghe đọc các điều kiện hiện-hành về tội mang kho

với người đứng xin, về tội ngụy chương đối với các nhân ch

người sau này đã tuyên-thệ và xác nhận lời khai của người đư

NGUYỄN-THO-CHUNG con TRAI

Quốc-tịch VIỆT-NAM

Sinh ngày MƯỜI-LĂM tháng MƯỜI

năm MỘT NGÀN CHÍN TRĂM NĂM MƯỜI BA 15.10.1953



tại làng XUÂN-HÒA, LÊ-THUY, QUẢNG-BÌNH
là con của Ông NGUYỄN-T-ĐỨC-LỤC và Bà

PHAN-THI-THUY (chánh, kẻ hay chữ)

Nội dung xin khai thêm rằng hiện không thể xin sáo lục khai sanh
của NGUYỄN-THO-CHUNG được vì lẽ sổ hộ-tịch nơi sanh

quán của y CÒN Ở NGOÀI VỊ-TUYN MƯỜI-BAY (17)

Đi vậy chúng tôi, căn cứ theo lời khai trên mà chiếu các điều
47-48 H.V. HỒ-LUẬT, lập chứng thư thế vì khai-sinh này cấp cho
đơn, sự đề tùy nghi, xít dụng

Những nhân chứng và người đứng xin, có ký tên với chúng tôi
và Ông Lục-sự sau khi nghe đọc lại,

LỤC-SỰ

CHÁNH-ÁN

T-RAN-KIEN-MAI

TRAN-TRONG-TAM

NHÂN CHỨNG SÁO.C.T.

ĐÓI.NHÂNNGƯỜI ĐỒNG XIN

NGUYỄN-THO-LỤC

1o/ HỒ-VĂN-BECH

2o/ NGO-LIEN

3o/ TRAN-THI-LE

Trước hạ tại

Ngày 0 tháng 0 năm 190

Quận ... to ... số ...

Thâu ...

CHỦ-SỰ

NGUYỄN-KHOA-HUAN



Fr. THU. Kim Le

FIRST CLASS



TO: Family of Vietnamese political
prisoner Association

P.O. Box 5435 Arlington, V.A.

FIRST CLASS

JUL 02 1990

22205-0635

Xuân Lộc May - 15th 1990.

Dear Sir

I sent you a file on 1984
and another on 1988. Till now
I receive nothing. Now I send
you one more, Would you
please reply me or issue me
the I. V number.

Thank you very much

Sincerely

Ch

Nguyễn Thọ Cường

* my Address 148 ấp I, Xuân-Đường, Xuân-Lộc
Đông Nai, Vietnam

ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu số HT12/P3

Xã, Phường

Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

QĐ số

Huyện, Quận

Ngày

Tỉnh, Thành phố

Số

Quyển số

CHỒNG

VỢ

Họ và tên

Bí danh

Sinh ngày tháng

năm hay tuổi

Dân tộc

Quốc tịch

Nghề nghiệp

Nơi đăng ký

nhân khẩu

thường trú

Số giấy chứng minh nhân dân: 270843765

hoặc hộ chiếu 12/05/85 CA-DN.

Đăng ký ngày 16 tháng 5 năm 1983

Người chồng ký

Người vợ ký

TM. U.B.N.D.

NAM-PHẦN

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

NHĐ

ĐÔ-THÀNH SAIGON

HỘ-TỊCH

Tòa Hành-Chánh Quận NHISố hiệu 3.242-B

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI SANH

NĂM Một ngàn chín trăm năm mươi tám (1958)

Mô tả in tại: Ngăn-Việc Saigon, 4-60 DT



Tên, họ đứa nhỏ	Trương thị Mai
Phái	nu
Ngày sanh	ngày mười hai tháng năm, năm một ngàn chín trăm năm mươi tám, 17gio42
Nơi sanh	Saigon, 284, đường Công-Quynh
Tên, họ người cha	Trương Văn Duoc
Tuổi	hai mươi sáu tuổi
Nghề-nghiệp	Quan nhân
Nơi cư-ngụ	Học Môn, Giadinh
Tên, họ người mẹ	Nguyễn thị Bet
Tuổi	hai mươi bảy tuổi
Nghề-nghiệp	Nội trợ
Nơi cư-ngụ	Học Môn, Giadinh
Vợ chánh hay thứ	Vợ chánh

Lập tại Saigon, ngày 14 . 5 . 19 58

TRÍCH LỤC Y BẢN CHÍNH :

Saigon, ngày 24 tháng 6 năm 19 60Quận-Trưởng, Quận NHI

ỦY BAN NHÂN DÂN
Xã, phường Xuân Lộc
Huyện, Quận Xuân Lộc
Tỉnh, Thành phố Đ.N.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP/HT



GIẤY KHAI SINH

(BẢN SƠ)

Họ và tên Nguyễn Thọ Trường Châu Nam hay Nữ Nam
Ngày, tháng, năm sinh 20-6-1972
hai mươi, tháng sáu, một, chín bảy hai
Nơi sinh Xuân Lộc, Long Khánh, Đồng Nai
Dân tộc Kinh Quốc tịch Việt Nam

Phần khai về cha, mẹ	NGƯỜI MẸ	NGƯỜI CHA
Họ và tên	<u>Nguyễn Thị Đào</u>	<u>Nguyễn Thọ Châu</u>
Tuổi	<u>29.4</u>	<u>19.3</u>
Dân tộc	<u>Kinh</u>	<u>Kinh</u>
Quốc tịch	<u>Việt Nam</u>	<u>Việt Nam</u>
Nghề nghiệp		<u>Nông dân</u>
Nơi thường trú		<u>14PB Xuân Lộc XL ĐN</u>

Họ tên, tuổi, nơi thường trú, số giấy chứng minh của người đứng khai
Nguyễn Thọ Châu Xuân Lộc XL ĐN
270843766 cấp 22-5-1985 ty C.A.ĐN

Người đứng khai ký

Đăng ký ngày 02 tháng 04 năm 1987

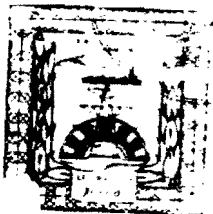
T/M ỦY BAN NHÂN DÂN

Chứng nhận Sao y bản chính
Xuân Lộc 06.10.88
TL UBND Xuân Lộc
CCV nhà nước

CHỨNG NHẬN SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 06 tháng 10 năm 1988

T/M UBND LÝ TÊN, ĐÓNG DẤU



Phan Văn Chí

Phan Văn Chí

ỦY BAN NHÂN DÂN,
Xã, phường Xuân Trường
Huyện, Quận Xuân Lộc
Tỉnh, Thành phố Bà Rịa

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP/HT



GIẤY KHAI SINH

(BẢN GỐC)

Họ và tên Nguyễn Thị Tuyết Bích Nam hay Nữ Nữ
Ngày, tháng, năm sinh ngày năm, tháng chín, một chín bảy tư
5-9-1974
Nơi sinh Xuân Lộc, Long Khánh
Dân tộc Kinh Quốc tịch Việt Nam

Phân khai về cha, mẹ	NGƯỜI MẸ	NGƯỜI CHA
Họ và tên	<u>Nguyễn Thị Đào</u>	<u>Nguyễn Thị Chứng</u>
Tuổi	<u>1954</u>	<u>1953</u>
Dân tộc	<u>Kinh</u>	<u>Kinh</u>
Quốc tịch	<u>Việt Nam</u>	<u>Việt Nam</u>
Nghề nghiệp		<u>Sống dân</u>
Nơi thường trú		<u>148 B ấp 7 Xuân Trường XL, BN.</u>

Họ tên, tuổi, nơi thường trú, số giấy chứng minh của người đứng khai

Nguyễn Thị Chứng, Xuân Trường, XL BN
270843766 cấp 22-5-85 Ty CA BN

Người đứng khai ký

Đăng ký ngày 16 tháng 8 năm 1988

T/M ỦY BAN NHÂN DÂN

Kết CT KC

Đã khai

Chứng nhận Sao y bản chính
Xuân Trường 26.10.88
TL UBND Xuân Trường
CC v nhà nước

CHỨNG NHẬN SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 26 tháng 10 năm 1988

T/M UBND TỈNH DÒNG DẤU

Đã cấp



Phan Văn Cầu

Xã thị trấn Vườn Lài
Thị xã/quận Vườn Lài
Thành phố/tỉnh Sông Hải

GIẤY KHAI SINH

Quyển số 12

[illegible]

Họ và tên	NGUYỄN THO TRƯỜNG - HIỀN	
Sinh ngày tháng năm	21-8-1983	
Nơi sinh	thị trấn Xuân Lộc tỉnh TN	
Khai về cha, mẹ	CHA	MẸ
Họ tên, tuổi (hoặc ngày tháng năm sinh)	NGUYỄN THO CHUNG 15-30-1953	TRƯỜNG THỊ MẠI 12-5-1958
Dân tộc - Quốc tịch	Kinh VIỆT NAM	Kinh VIỆT NAM
Nghề nghiệp nơi ĐKNK thường trú	Nông dân Xã Xuân Lộc Huyện Xuân Lộc TN	Công nhân lâm trường huyện Xuân Lộc
Họ tên, tuổi nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	Trưởng thôn M. công nhân lâm trường huyện Xuân Lộc 21 tuổi, giấy CMND 270161118 cấp ngày 7-7-1980 tại TP HCM	



Đã ký, ngày 05 tháng 10 năm 1935
Ký tên đồng điều ghi rõ chức vụ

Wm. H. W.

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Mẫu HTSAF3

Xã, Thị trấn Xuân Lộc
Thị xã, Quận Xuân Lộc
Thành phố, Tỉnh Đồng Nai

BẢN SAO
GIẤY KHAI SINH

Số 011/HH
Quyển số 05

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Họ và Tên	<u>Nguyễn Thị Trường-Huy</u>		Nam, ☒
Sinh ngày tháng, năm	<u>10 tháng 4 năm 1986</u>		
Nơi sinh	<u>Xuân Lộc</u>		
Khai về cha mẹ	CHA	MẸ	
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	<u>Nguyễn Thị Chung</u> <u>15-10-1953</u>	<u>Trường Thị Mai</u> <u>12-5-1958</u>	
Dân tộc	<u>Kinh</u>	<u>Kinh</u>	
Quốc tịch	<u>Việt Nam</u>	<u>Việt Nam</u>	
Nghề nghiệp	<u>nông dân</u>	<u>nhà máy</u>	
Nơi ĐKNK thường trú	<u>Xã Xuân Trường</u>	<u>Khu Xuân Trường</u>	
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	<u>Trường Thị Mai</u> <u>01</u> <u>Trần Phú</u> <u>Khu Xuân Trường</u> , <u>X. L.</u> , <u>Đ. N.</u> <u>270.565558</u> cấp <u>7-7-80</u> <u>Đ. N.</u>		

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 30 tháng CH năm 1986

TM UB ND TTVL ký tên đóng dấu

Đang ký ngày 30 tháng 04
(Ký tên, đóng dấu, gửi r)



Trương Minh Hoàng



ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu TP/HT 3

Xã, phường.....Xuân An.....

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số.....0220.....

Huyện, Quận.....Xuân Lộc.....

Quyển số.....57/90.....

Tỉnh, Thành phố.....Đồng Nai.....



GIẤY KHAI SINH

(BẢN SAO)

Họ và tên.....Nguyễn Thọ Trường Duy..... Nam hay nữ.....nam.....
 Ngày, tháng, năm sinh.....10 - 2 - 1990.....
 ngày mười tháng hai năm một chín chín mui.....
 Nơi sinh.....Xuân Lộc.....
 Dân tộc.....Kinh..... Quốc tịch.....Việt Nam.....

Phần khai về cha, mẹ	Người mẹ	Người cha
Họ và tên	Trường Thị Mai	Nguyễn Thọ Chứng
Tuổi	1958	1953
Dân tộc	Kinh	Kinh
Quốc tịch	Việt Nam	Việt Nam
Nghề nghiệp	thợ may	nhà dân
Nơi thường trú	200B Nguyễn Thị Phương Xuân An Xt An	141 XL ĐN

Họ, tên, tuổi, nơi thường trú, số giấy chứng minh thư của người đứng khai

Trường Thị Mai 1958 Tr 200B Nguyễn Thị Phương Xuân An
 XL AN 270565558 cấp 7-7-80 ĐN

Đăng ký ngày 02 tháng 3 năm 1990
 T/M ỦY BAN NHÂN DÂN

Người đứng khai

Mai



CHỨNG NHẬN SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 02 tháng 3 năm 90

T/M UBND

đồng dấu



Mai